

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2019, Báo cáo thẩm tra bổ sung số 33/BC-HĐND-

KTNS ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương với các nội dung như sau:

1. Nguồn vốn điều chỉnh

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương là 11.828 tỷ 560 triệu đồng, tăng 1.579 tỷ đồng so với kế hoạch vốn trung hạn theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó:

- Tiền sử dụng đất khối tỉnh điều chỉnh từ 2.000 tỷ đồng lên 2.300 tỷ đồng, tăng 300 tỷ đồng;
- Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố từ 3.000 tỷ đồng lên 3.700 tỷ đồng, tăng 700 tỷ đồng;
- Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước được để lại đầu tư là 579 tỷ đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên bố trí vốn

- Tuân thủ Luật Đầu tư công năm 2014, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư cho các công trình giao thông mang tính liên kết, kết nối vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và những dự án đã có trong kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Bố trí vốn cho các dự án cấp bách, mới phát sinh đã có ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là: 11.828 tỷ 560 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Trả nợ: 680 tỷ 150 triệu đồng.

Trong đó:

- Trả nợ xây dựng cơ bản: 53 tỷ 200 triệu đồng;
 - Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011 - 2015: 406 tỷ 950 triệu đồng;
 - Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương: 220 tỷ đồng.
- b) Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 4.896 tỷ đồng.

Bao gồm:

- Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.196 tỷ đồng;
- Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố: 3.700 tỷ đồng.

(Tăng thu 700 tỷ đồng giai đoạn 2019 - 2020 bố trí thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với những dự án của tỉnh nằm trên địa bàn, ưu tiên đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, cho công tác giảm 1000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù).

- c) Dự án chuyển tiếp: 888 tỷ 660 triệu đồng;
d) Dự án khởi công mới: 5.353 tỷ 750 triệu đồng;
e) Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch: 10 tỷ đồng.
(Kèm theo biểu số 1 và biểu số 2)

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền



Biểu số 1

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13 của HĐND tỉnh)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	10.249.560	10.249.560	-	11.828.560	11.828.560	-	1.579.000	-
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.652.000	2.652.000		2.652.000	2.652.000			
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.000.000	5.000.000		6.000.000	6.000.000		1.000.000	
	Trong đó:								
-	Khối tỉnh	2.000.000	2.000.000		2.300.000	2.300.000		300.000	
-	Khối huyện	3.000.000	3.000.000		3.700.000	3.700.000		700.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.237.000	2.237.000		2.237.000	2.237.000			
4	Vượt thu 2015 chuyển sang	83.560	83.560		83.560	83.560			
5	Tiền thuê đất thanh toán dự án BT đường Minh Hưng-Đồng Nơ	194.000	194.000		194.000	194.000			
6	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	83.000	83.000		83.000	83.000			
7	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước				579.000	579.000		579.000	

Ghi chú:

Tiền thu sử dụng đất khối huyện tăng 700 tỷ đồng, trong đó: Thành phố Đồng Xoài 150 tỷ đồng, thị xã Bình Long 100 tỷ đồng, thị xã Phước Long 120 tỷ đồng, huyện Chơn Thành 120 tỷ đồng, huyện Lộc Ninh 30 tỷ đồng, huyện Đồng Phú 40 tỷ đồng, huyện Phú Riềng 40 tỷ đồng, huyện Bù Đăng 40 tỷ đồng, huyện Bù Đốp 20 tỷ đồng, huyện Bù Gia Mập 20 tỷ đồng, huyện Hớn Quản 20 tỷ đồng.

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
					TỔNG SỐ	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
	TỔNG SỐ			10.249.560	11.828.560	2.652.000	6.000.000	2.237.000	83.560	194.000	83.000	579.000	
	DỰ PHÒNG			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	PHÂN BỐ CHI TIẾT			10.249.560	11.828.560	2.652.000	6.000.000	2.237.000	83.560	194.000	83.000	579.000	
A	TRẢ NỢ			680.150	680.150	626.950	-	53.200	-	-	-	-	
I	Trả nợ XDCB			53.200	53.200	-	-	53.200	-	-	-	-	
II	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi			406.950	406.950	406.950	-	-	-	-	-	-	
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015			406.950	406.950	406.950	-	-	-	-	-	-	
2	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2016-2020			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương			220.000	220.000	220.000	-	-	-	-	-	-	
B	VỐN PHÂN CẤP HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ			4.196.000	4.896.000	1.196.000	3.700.000	-	-	-	-	-	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức			1.196.000	1.196.000	1.196.000	-	-	-	-	-	-	
2	Tiền sử dụng đất khối huyện, thị, thành phố			3.000.000	3.700.000	-	3.700.000	-	-	-	-	-	
	Trong đó đầu tư xây dựng NTM tối thiểu 30%			900.000	900.000	-	900.000	-	-	-	-	-	
C	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP		2.632.421	888.660	888.660	130.200	78.500	485.960	-	194.000	-	-	
I	Đối ứng dự án PPP			194.000	194.000	-	-	-	-	194.000	-	-	Sở Tài chính Ghi thu-ghi chi
	Thanh toán dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ			194.000	194.000	-	-	-	-	194.000	-	-	
II	Đối ứng các dự án ODA		688.109	38.556	38.556	-	-	38.556	-	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934	19.710	19.710	-	-	19.710	-	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011, 335/QĐ-UBND ngày 21/2/2014	364.175	18.846	18.846	-	-	18.846	-	-	-	-	Công ty cổ phần cấp thoát nước
III	Nông nghiệp-Nông thôn		65.372	10.850	10.850	6.350	-	4.500	-	-	-	-	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng với NSTW)	2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	6.350	6.350	6.350	-	-	-	-	-	-	Vườn QG Bù Gia Mập
2	Đường tuần tra phía Đông Nam, vườn QG Bù Gia Mập thuộc dự án bảo vệ rừng giai đoạn 2012-2015	1731/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.400	4.500	4.500	-	-	4.500	-	-	-	-	
IV	Công nghiệp		676.725	20.000	20.000	20.000	-	-	-	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	20.000	20.000	20.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
V	Thủy Lợi		92.576	3.700	3.700	-	3.700	-	-		-		
1	Hồ chứa nước Sơn Lợi	3133/QĐ-UBND ngày 6/11/2009	32.830	1.700	1.700		1.700						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài	1888/QĐ-UBND ngày 13/8/2010	59.746	2.000	2.000		2.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
VI	Y tế		155.218	67.184	67.184	-	-	67.184	-		-		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (ngân sách tỉnh đối ứng)	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	15.693	6.184	6.184			6.184					UBND huyện Bù Gia Mập
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Đối ứng NSTW)	637/QĐ-UBND 24/4/2013	8.237	3.000	3.000			3.000					UBND huyện Bù Gia Mập
3	Bệnh viện Đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)	3743/QĐ-UBND 24/10/2014	13.970	7.000	7.000			7.000					UBND huyện Bù Gia Mập
4	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	2439/QĐ-UBND 10/11/2008	43.911	14.000	14.000			14.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC; cải tạo mái tôn khoa dược, khoa lão, khoa cận bộ cao cấp; Sơn tường, chống thấm sẽ nổ hành lang cầu nối Bệnh viện đa khoa tỉnh	281/QĐ-UBND 21/2/2013	5.172	2.000	2.000			2.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	1819/QĐ-UBND 8/10/2013	68.235	35.000	35.000			35.000					UBND huyện Hớn Quản
VII	Giáo dục - Đào tạo		400.172	232.100	232.100	-	-	232.100	-		-		
1	Trường mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	1907/QĐ-UBND 23/10/2014; 648/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	20.659	14.400	14.400			14.400					UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
2	Trường mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	2937/QĐ-UBND 25/10/2013	25.122	15.000	15.000			15.000					UBND huyện Đồng Phú
3	Trường mầm non Hoa Lan, xã Tiến Hưng Đồng Xoài	3060/QĐ-UBND 24/10/2014	11.500	5.000	5.000			5.000					UBND TP Đồng Xoài
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh	2795/QĐ-UBND 11/10/2013	67.318	52.000	52.000			52.000					UBND huyện Lộc Ninh
5	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	2124/QĐ-UBND 24/10/2014	36.760	28.000	28.000			28.000					UBND huyện Chơn Thành
6	Trường MN An Khương, xã An Khương huyện Hớn Quản	2201/QĐ-UBND 22/10/2013	14.292	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Hớn Quản
7	Khối nhà học trường chính trị tỉnh	633/QĐ-UBND 24/4/2013	11.167	1.000	1.000			1.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	2351/QĐ-UBND 31/10/2011	49.979	20.000	20.000			20.000					Sở GDĐT
9	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	286/QĐ-UBND 25/2/2013	6.651	3.200	3.200			3.200					Sở GDĐT
10	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	1196/QĐ-UBND 06/6/2014,	9.375	5.000	5.000			5.000					Sở GDĐT
11	Trường THPT Đa Kia huyện Bù Gia Mập	1465/QĐ-UBND 19/7/2012	33.545	20.000	20.000			20.000					Sở GDĐT
12	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	2270/QĐ-UBND 24/10/2014	45.732	35.000	35.000			35.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
13	Nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	2404/QĐ-UBND 31/10/2012	14.277	7.500	7.500			7.500					Sở GDĐT
14	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	2133/QĐ-UBND 19/19/2012	53.795	17.000	17.000			17.000					Sở GDĐT

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh							Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước
VIII	Văn hóa - Xã hội		323.913	68.200	68.200	-	10.000	58.200	-		-		
1	Tu bổ tôn tạo di tích mộ tập thể 3000 người tại TX. Bình Long	1200/QĐ-UBND 11/06/2012	35.973	15.500	15.500		10.000	5.500					UBND TX Bình Long
2	Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo	1747/QĐ-UBND 27/7/2011	45.294	10.000	10.000			10.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng - Sóc Bom Bo (NS tỉnh đối ứng)	2003/QĐ-UBND ngày 05/9/2011; 2276/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	68.852	12.500	12.500			12.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	1118/QĐ-UBND ngày 17/5/2010	163.226	22.800	22.800			22.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	2033/QĐ-UBND 30/10/2013	5.568	2.400	2.400			2.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	1813/QĐ-TLĐ ngày 31/10/2013	5.000	5.000	5.000			5.000					Liên đoàn lao động tỉnh
IX	Giao thông - Hạ tầng đô thị		176.652	85.800	85.800	-	24.800	61.000	-		-		
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách TW)	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	13.223	12.200	12.200			12.200					UBND huyện Hớn Quản
2	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2706/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	41.792	6.800	6.800			6.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	1950/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	31.004	26.000	26.000			26.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Làng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	713/QĐ-UBND ngày 30/3/2015	16.701	7.000	7.000			7.000					UBND TX Bình Long

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
5	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	1684/QĐ-UBND 05/9/2014	14.790	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	02 cầu tại Km0+789 và Km1+102 đường từ ngã ba Xa Trạch xã Thanh Bình đến trung tâm xã Phước An, huyện Hớn Quản	2142/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	22.071	7.300	7.300		7.300						UBND huyện Hớn Quản
7	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản	1728/QĐ-UBND ngày 20/8/2014	37.071	17.500	17.500		17.500						UBND huyện Hớn Quản
X	Quản lý Nhà nước		43.135	18.920	18.920	-	-	18.920	-		-		
1	Trụ sở trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	1952/QĐ-UBND 24/10/2013	14.277	8.500	8.500			8.500					Trung tâm XTĐT TM&DL
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	1726/QĐ-UBND 13/7/2014	4.440	2.240	2.240			2.240					Trung tâm phát triển quỹ đất
3	Trụ sở Đảng ủy khối doanh nghiệp	218/QĐ-UBND ngày 5/2/2013	11.557	2.400	2.400			2.400					Đảng ủy khối doanh nghiệp
4	Nhà làm việc khối đoàn thể huyện Hớn Quản	976/QĐ-UBND 8/04/2011	12.861	5.780	5.780			5.780					UBND huyện Hớn Quản
XI	Quốc phòng - An ninh		10.549	5.500	5.500	-	-	5.500	-		-		
1	Doanh trại đội K72 (giai đoạn 2)	1649/QĐ-UBND ngày 6/9/2013	10.549	5.500	5.500			5.500					Bộ chỉ huy QS tỉnh
XII	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)			37.500	37.500	37.500							15 xã biên giới thuộc 3 huyện Lộc Ninh 7 xã; Bù Đốp 6 xã; Bù Gia Mập 2 xã
XIII	Chương trình hỗ trợ đồng bào DTTS theo Quyết định số 755/QĐ-TTg và Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020			46.700	46.700	46.700							UBND các huyện, thị

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
XIV	Thanh toán các công trình đã quyết toán			59.650	59.650	19.650	40.000						
D	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI		7.781.978	4.474.750	5.353.750	688.850	2.221.500	1.697.840	83.560		83.000	579.000	
I	Đối ứng dự án PPP		121.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	GPMB đường Đồng Phú-Bình Dương (phần diện tích ngoài hành lang 70 m)		121.000										Công ty cao su Bình Phước
II	Đối ứng các dự án ODA		111.589	51.500	51.500	-	15.900	35.600	-		-		
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/07/2016	25.000	25.000	25.000			25.000					Sở KH&ĐT; Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	622/QĐ-BGTVT ngày 02/03/2016	5.400	5.400	5.400		5.400						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	1912, 1913, 1914, 1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	5.300	5.300	5.300			5.300					Sở Y tế
4	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đối ứng NS tỉnh)	2090/QĐ-UBND ngày 05/9/2018	70.589	10.500	10.500		10.500						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2	1955, 1958,1959/QĐ-UBND ngày 17/9/2014	5.300	5.300	5.300			5.300					Sở GD&ĐT
III	Nông nghiệp-Nông thôn		333.292	719.450	719.450	33.200	423.550	252.700	10.000		-		
1	Hạ tầng các xã nông thôn mới và giao thông nông thôn (tính cả trả nợ mua xi măng)		201.000	551.000	551.000	20.000	297.300	223.700	10.000				
2	Trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng	2740/QĐ-UBND, 28/10/2016	22.800	11.400	6.916		6.916						Hạt kiểm lâm Bù Đốp
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2717/QĐ-UBND, 28/10/2016; 1448/QĐ-UBND, 13/6/2017; 1346/QĐ-UBND, 26/6/2019	29.992	18.000	22.484		4.484	18.000					Chi cục kiểm lâm

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
4	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ)			13.200	13.200	13.200							Giao Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
5	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)		6.000	6.000	6.000		6.000						Liên minh Hợp tác xã
6	GPMB (thanh lý cao su) chi trả cho Tập đoàn cao su		73.500	119.850	119.850		108.850	11.000					Ban QLKKT
IV	Thủy Lợi		10.000	9.000	9.000	-	9.000	-	-		-		
1	Mương thoát nước ấp 7 xã Minh Hưng (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng) Chơn Thành	3172/QĐ-UBND ngày 6/12/2017	10.000	9.000	9.000		9.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
V	Công nghiệp		272.790	257.800	265.800	14.900	183.200	55.000	12.700		-		
1	Đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	1086/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	1.741	1.700	1.700				1.700				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Mương cống thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	445/QĐ-UBND ngày 7/3/2016; 2161/QĐ-SXD ngày 10/9/2018; 1362/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	8.628		8.000		8.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	1394/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	11.305	11.000	11.000				11.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.978	44.000	44.000		44.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5, 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I (hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải)	2014a/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	32.307	32.400	32.400		32.400						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hán Quốc	2351/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	9.831	8.800	8.800		8.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh							Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước
7	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	40.000	40.000			40.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	377/HĐND ngày 1/12/2017	80.000	80.000	80.000		80.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
9	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sũkiko	3132/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	15.000	15.000	15.000			15.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	3133/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	15.000	14.900	14.900	14.900							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
11	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài 3	2569a/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	10.000	10.000	10.000		10.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
VI	Giao Thông-hạ tầng đô thị		4.280.333	1.838.490	2.709.490	530.750	1.338.050	220.830	40.860	-	-	579.000	
1	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	Dự án do tỉnh Tây Ninh phê duyệt	16.000	16.000	16.000	3.000		13.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông
2	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	34.353	30.000	30.000			30.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2983/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; 323a/HĐND-KT ngày 14/12/2018	180.000		140.000							140.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh (NSDP đối ứng)	991/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 134/HĐND-KT ngày 01/7/2019	80.000		25.000		25.000						UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
5	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng (NSDP đối ứng)	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 134/HĐND-KT ngày 01/7/2019	80.000		14.000		14.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (NSDP đối ứng)	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017; 134/HĐND-KT ngày 01/7/2019	80.000		3.000		3.000						UBND huyện Phú Riềng
7	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (NSDP đối ứng)	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	117.000		11.000		11.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Đường D10 thuộc khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2654/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	1.428	1.500	1.500			1.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
9	Đường Bùi Thị Xuân thuộc khu dân cư Phú Thịnh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	2693/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	988	1.000	1.000			1.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Via hè đường Quốc lộ 14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2443a/QĐ-UBND 23/9/2016	14.870	14.000	14.000	14.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
11	Đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN Bắc Đồng Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	14.730	10.000	13.500	10.000	3.500						UBND huyện Đồng Phú
12	Đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	2678/QĐ-UBND 26/10/2015	14.406	14.000	14.000			9.000	5.000				UBND huyện Phú Riềng
13	Đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú	2225/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	28.483	25.000	25.000			15.000	10.000				UBND huyện Đồng Phú
14	Đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chơn Thành	2174/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	25.000	24.000	24.000		19.000		5.000				UBND huyện Chơn Thành
15	Đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái huyện Lộc Ninh	709/QĐ-UBND ngày 28/03/2016	9.013	9.000	9.000			4.000	5.000				UBND huyện Lộc Ninh
16	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2769/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	30.000	28.000	28.000			22.140	5.860				UBND huyện Hớn Quản

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuế đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
17	Đường từ Quốc lộ 13 vào Trường Cao đẳng nghề Bình Phước	2651/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 442/QĐ-SGTVT ngày 28/8/2018	5.996	9.890	9.890			9.890					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
18	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km 16+000 đến km 21+369 đường Sao Bông - Đàng Hà	2301/QĐ-UBND 19/09/2017	70.000	30.000	30.000		30.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
19	Đường vào ấp Bung Sê (đoạn từ QL 14 đến cầu Thuận Phú) thị xã Đồng Xoài.	2400/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	9.000	8.100	8.100		8.100						UBND TP Đồng Xoài
20	Đường từ ĐT 741 đến đội 6, Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	4731/QĐ-UBND, ngày 21/12/2015	11.272	10.800	10.800		10.800						UBND huyện Bù Gia Mập
21	Đường giao thông từ ngã ba Cây Cầy ấp Sóc Bể đi Sóc Bung, xã Thanh Phú, Bình Long	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 2245/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	7.700	6.900	6.900		6.900						UBND TX Bình Long
22	Đường từ xã An Khương - Trà Thanh-Thanh An huyện Hớn Quản	2485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	20.000	18.000	18.000		18.000						UBND huyện Hớn Quản
23	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.800	10.000	10.000		10.000						UBND huyện Phú Riềng
24	Đường liên xã Tân Quan - Nha Bích, huyện Hớn Quản	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.900	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Hớn Quản
25	Đường vào Thác Đung, xã Đoàn kết, huyện Bù Đăng	2316/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	13.500	12.000	12.000		12.000						UBND huyện Bù Đăng
26	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nối dài	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	27.000	23.250	23.250	23.250							UBND huyện Bù Gia Mập
27	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	45.068	45.000	45.000		45.000						UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2748/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	72.949	53.000	53.000	53.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
29	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	295/HĐND-KT ngày 02/10/2017	91.000	72.000	72.000		72.000						UBND TX Bình Long
30	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp (3km)	223/HĐND-KT ngày 25/7/2017	66.000	60.000	60.000		60.000						UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
31	Cầu Long Tân đi Phú Riềng huyện Phú Riềng	3014/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	12.253	11.000	11.000	6.000	5.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
32	Đường D6 Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1389/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	13.280	12.300	12.300			7.300	5.000				UBND huyện Phú Riềng
33	Làng nhựa đường ALT1 từ đường Ngô Quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	3385/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	8.573	8.000	8.000			8.000					UBND thị xã Bình Long
34	Làng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	2296/QĐ-UBND ngày 02/10/2018	11.944	11.750	11.750		11.750						UBND thị xã Phước Long
35	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	303/HĐND-KT ngày 11/10/2017	320.790	123.800	123.800		123.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
36	Đường từ Bù Nho đi Phước Tấn , huyện Phú Riềng	366/HĐND-KT ngày 27/11/2017	95.000	80.000	80.000	80.000							UBND huyện Phú Riềng
37	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	3142/QĐ-UBND ngày 4/12/2017	15.000	15.000	15.000	15.000							UBND TP Đồng Xoài
38	Kè và hệ thống đường, điện chiếu sáng hai bên suối Đồng Tiền và suối Tâm Vồng	365/HĐND-KT ngày 27/11/2017	150.000	150.000	150.000	107.300	42.700						UBND TP Đồng Xoài
39	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chiu Riu - Tà Nốt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh		4.000	4.000	4.000		4.000						UBND huyện Lộc Ninh
40	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng		50.000	50.000	50.000		50.000						UBND huyện Phú Riềng
41	Bổ sung cho huyện Bù Đốp xây dựng các công trình giao thông		5.000	5.000	5.000				5.000				UBND huyện Bù Đốp
42	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài kết nối ĐT741 với QL14 (vốn NSDP đối ứng)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.921	18.020	18.020		18.020						UBND TP Đồng Xoài
43	Dự án BT hoàn thiện các tuyến đường khu phố Phú Thanh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 31/7/2018	27.130	27.130	27.130		27.130						Cty Cp bất động sản Thành Phương
44	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Phước Minh - Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	104/HĐND-KT ngày 12/6/2018	98.000	84.600	84.600	84.600							UBND huyện Bù Gia Mập
45	Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	188/HĐND-KT ngày 04/9/2018	72.163	60.300	60.300	60.300							UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
46	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	258/HĐND-KT ngày 25/10/2018	120.000	60.750	120.000		75.000	45.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
47	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	130/HĐND-KT ngày 1/7/2019	68.000		60.000		12.000					48.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
48	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	2501/QĐ-UBND 31/10/2018	15.000	13.500	13.500	13.500							UBND huyện Bù Gia Mập
49	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng) Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài	2468/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	13.823	13.800	13.800	13.800							UBND TP Đồng Xoài
50	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài.	2473/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	34.100	27.000	27.000	27.000							UBND TP Đồng Xoài
51	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Đò đến Ngã ba ấp Sác Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	2491/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	23.940	21.500	21.500		21.500						UBND huyện Đồng Phú
52	Via hè đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (kết nối ĐT741 với QL14)	2492/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	24.000	20.000	20.000	20.000							UBND TP Đồng Xoài
53	Thi công đầu nối hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	2350/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	4.620	4.600	4.600		4.600						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
54	Hỗ trợ cho thị xã Đồng Xoài GPMB công trình xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam		192.522	130.000	130.000		130.000						UBND TP Đồng Xoài
55	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 1)	2037/QĐ-UBND ngày 18/9/2015	49.984	46.000	46.000			46.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
56	Đường tránh QL. 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	256/HĐND-KT ngày 23/10/2018	245.000	200.000	200.000		200.000						UBND huyện Lộc Ninh
57	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đồng Xoài		100.000	100.000	100.000		100.000						UBND TP Đồng Xoài
58	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	131/HĐND-KT ngày 1/7/2019	180.000		150.000		150.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
59	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mạ đến QL14C	59/HĐND-KT ngày 12/4/2018	89.834		80.000							80.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
60	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	133/HĐND-KT ngày 1/7/2019	140.000		100.000							100.000	UBND huyện Bù Đốp
61	Nâng cấp mở rộng đường Minh Hưng - Minh Thanh, huyện Chơn Thành	134/HĐND-KT ngày 1/7/2019	60.000		54.000							54.000	UBND huyện Chơn Thành
62	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	135/HĐND-KT ngày 1/7/2019	140.000		121.250		14.250					107.000	UBND huyện Chơn Thành
63	GPMB dự án đường cao tốc Chơn Thành đi Hoa Lư		600.000		50.000							50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
VII	Y tế		888.370	194.810	127.810	-	5.500	122.310	-			-	
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh (đối ứng NSTW)	2466a/QĐ-UBND 29/9/2017	700.000	25.910	25.910			25.910					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú từ 50 giường lên 80 giường	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.200	22.500	22.500			22.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành từ 70 giường lên 100 giường	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.200	22.500	22.500			22.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1580/QĐ-UBND 28/6/2017	1.491	1.400	1.400			1.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xả số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
5	Kỹ túc xá học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật Trường Trung cấp y tế	2752/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.999	25.000	25.000			25.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Nhà làm việc các khoa và bộ môn khối thực hành và thư viện Trường Trung cấp y tế	2753/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.980	25.000	25.000			25.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
7	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy	2489/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.500	5.500	5.500		5.500						Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy
8	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	2719/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	75.000	67.000									
VIII	Giáo dục -Đào tạo		952.925	739.200	806.200	-	3.000	720.200	-		83.000		
1	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	2735/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	20.000	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Lộc Ninh
2	Trường mẫu giáo Đức Liễu, huyện Bù Đăng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000	20.000			20.000					UBND huyện Bù Đăng
3	Trường mẫu giáo Phước Tín TX. Phước Long	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	20.000	20.000			20.000					UBND TX Phước Long
4	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000	20.000			20.000					UBND huyện Chơn Thành
5	Trường mầm non Hòa Mĩ, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	20.000	20.000	20.000			20.000					UBND TP Đồng Xoài
6	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	2637/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	20.000	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Đồng Phú
7	Trường Mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	2742/QĐ-UBND 28/10/2016	21.729	19.300	19.300			19.300					UBND huyện Phú Riềng
8	Trường MN Long Phú, huyện Phú Riềng	2142/QĐ-UBND 28/5/2019	40.000		32.000			32.000					UBND huyện Phú Riềng
9	Trường cấp II, III Long Phú, huyện Phú Riềng	2143/QĐ-UBND 28/5/2019	80.000		35.000			35.000					UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
10	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	2780/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.978	18.000	18.000			18.000					UBND TX Bình Long
11	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2765/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	19.995	18.000	18.000		3.000	12.000			3.000		UBND huyện Bù Gia Mập
12	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	2777/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	18.000	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Bù Đốp
13	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	3128/QĐ-UBND ngày 1/12/2017	24.000	21.500	21.500			21.500					UBND huyện Bù Gia Mập
14	Trường tiểu học Bình Thắng B huyện Bù Gia Mập	2651/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.473	4.500	4.500			4.500					UBND huyện Bù Gia Mập
15	Trường tiểu học Thanh Bình, huyện Hớn Quản	511/QĐ-UBND 24/3/2016	15.000	6.500	6.500			6.500					UBND huyện Hớn Quản
16	Trường tiểu học Tân Khai A huyện Hớn Quản	2713/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	25.200	25.200	25.200			25.200					UBND huyện Hớn Quản
17	Trường Tiểu học Thiện Hưng C, huyện Bù Đốp	1965/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	14.998	13.500	13.500			13.500					UBND huyện Bù Đốp
18	Trường THCS Đắk O huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	5.200	4.500	4.500			4.500					UBND huyện Bù Gia Mập
19	Trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.000	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Bù Gia Mập
20	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	2767/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.997	43.000	43.000			43.000					UBND huyện Chơn Thành
21	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2709/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	59.925	54.000	54.000			54.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
22	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	1222/QĐ-UBND ngày 11/6/2014	11.252	9.900	9.900			9.900					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
23	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTDTNT tỉnh	2402/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	7.944	5.400	5.400			5.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
24	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	2727/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
25	Trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	2708/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	44.991	40.400	40.400			40.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
26	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	326/QĐ-UBND ngày 15/02/2016	14.635	13.200	13.200			13.200					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
27	Thiết bị thí nghiệm trường chuyên Bình Long	2147/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	3.298	3.000	3.000			3.000					UBND TX Bình Long
28	Nâng cấp, sửa chữa nhà hiệu bộ, khu giảng đường và xây mới cơ sở mầm non thực hành và hội trường Trường CĐSP tỉnh	2140/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	15.000	13.500	13.500			13.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
29	Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung	2688/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	6.500	5.800	5.800			5.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
30	Hồ bơi, Sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.000	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
31	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	9.900	9.000	9.000			9.000					UBND TX Bình Long
32	Trường tiểu học xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	2556/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	14.046	12.600	12.600			12.600					UBND huyện Đồng Phú
33	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	100.000	90.000	90.000			90.000					UBND huyện Đồng Phú
34	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	Công văn số 245/HĐND-KT ngày 18/10/2018	34.864	31.400	31.400			31.400					UBND huyện Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
35	Khởi phòng học cấp II tại Trường Tiểu học Bom Bo	2394/QĐ-UBND 18/10/2018	20.000	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Bù Đăng
36	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	2231/QĐ-UBND ngày 21/9/2018	20.000	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Đồng Phú
37	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	807/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	100.000	80.000	80.000						80.000		UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Văn hóa - Xã hội		394.483	362.500	362.500	40.000	129.000	173.500	20.000		-		
1	Kê và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/08/2017	105.000	95.000	95.000		95.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Khu di tích lịch sử nhà tù Bà Rá và tường niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	13.500	13.500	13.500			13.500					UBND TX Phước Long
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Hớn Quản
4	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	25.000	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Đồng Phú
5	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	29.999	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Chơn Thành
6	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	29.000	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Phú Riềng
7	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	22.000	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Bù Gia Mập
8	Hệ thống hạ tầng, sân vườn, đường nội bộ và hệ thống điện, nước thuộc khu di tích lịch sử và khu du lịch sinh thái Bộ chỉ huy miền Tả Thiết (B2)	2531/QĐ-UBND ngày 7/10/2016	15.000	15.000	15.000				15.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
9	Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước	1861/QĐ-UBND ngày 06/7/2016	5.000	5.000	5.000				5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Hỗ trợ kinh phí di dời và GPMB vùng lõi khu di tích Bộ chỉ huy miền Tả Thiết		20.000	20.000	20.000		20.000						UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
11	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tà Thiết (giai đoạn 2).	2474/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.999	14.200	14.200	9.200		5.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
12	Xây dựng đường giao thông và công viên Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	2468a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.396	8.200	8.200	8.200							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
13	Trần xá lữ kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xá bùn cát tại Di tích căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	2472a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.880	4.800	4.800	4.800							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
14	Xây dựng hàng rào hai bên đường từ ngã ba Đồng Tâm đến cây xăng Ngọc Ánh	2484a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	19.856	17.800	17.800	17.800							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
15	Bãi đậu xe, sân vườn và đường nội bộ khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	2888a/QĐ-UBND ngày 22/12/2015	14.853	14.000	14.000		14.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
16	Hàng rào Khu căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	2728/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	45.000	45.000	45.000			45.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
X	Khoa học - công nghệ		76.140	51.500	51.500	-	-	51.500	-	-	-	-	
1	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	19.800	18.000	18.000			18.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn suu tập thực vật tỉnh Bình Phước	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	12.600	11.500	11.500			11.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	2776/QĐ-UBND ngày 8/12/2015	21.799	19.000	19.000			19.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
4	Đầu tư trang thiết bị mô hình bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	365/QĐ-UBND ngày 18/02/2016	1.994	2.000	2.000			2.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	2772/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	19.947	1.000	1.000			1.000					Văn phòng Tỉnh ủy
XI	Quản lý Nhà nước		44.041	30.700	30.700	-	7.000	23.700	-			-	
1	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	44/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	3.000	3.000	3.000			3.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bình Phước (Đối ứng NSTW)	870/QĐ-UBND ngày 28/5/2013; 2089/QĐ-UBND ngày 05/8/2016	15.198	3.600	3.600			3.600					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Văn phòng Trung tâm khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	458/QĐ-UBND ngày 8/3/2016	1.600	1.600	1.600			1.600					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	2343/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	10.247	9.500	9.500			9.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Sửa chữa Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước	611/QĐ-UBND ngày 22/03/2017	7.000	7.000	7.000		7.000						Sở Xây dựng
6	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	959/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	3.000	3.000	3.000			3.000					Ban tổ chức Tỉnh ủy
7	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	2805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.996	3.000	3.000			3.000					Văn phòng UBND tỉnh
XII	Quốc phòng - An ninh		297.015	219.800	219.800	70.000	107.300	42.500	-			-	
1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	725/QĐ-UBND ngày 6/5/2013	11.092	11.000	11.000			11.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
2	Nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.200	20.000	20.000			20.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/12/2018)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		TỔNG SỐ	Trong đó							
						Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
3	Các công trình khu vực phòng thủ	72/QĐ-BCH ngày 10/04/2017	32.000	20.000	20.000	20.000							Bộ chỉ huy QS tỉnh
4	Các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2271/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	15.300	15.300	15.300		15.300						Bộ chỉ huy BBĐP tỉnh
5	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	28.323	11.500	11.500			11.500					Công an tỉnh
6	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành	1645/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	12.500	12.500	12.500		12.500						Công an tỉnh
7	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1646/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	13.500	13.500	13.500		13.500						Công an tỉnh
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2362a/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	20.100	10.000	10.000		10.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2356a/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	15.000	5.000	5.000		5.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
10	Kho vật chứng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2378/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	1.000	1.000	1.000		1.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
11	Xây dựng trụ sở PCCC&CNCH các huyện	2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	100.000	100.000	100.000	50.000	50.000						Công an tỉnh
E	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch			10.000	10.000	10.000							Sở KHĐT